

Bản án số: 25/2020/DS -PT

Ngày: 01/6/2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Ngọc Hà**

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Hữu Vệt

Ông Hồ Thanh Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hương Giang** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà **Ngô Thị Vỹ** - Kiểm sát Viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 và ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2020 về Việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS - ST, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2020/QĐ-PT, ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T (Đặng Lâm T); sinh năm 1946;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đặng Thị Kim D; sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Số nhà 132, tổ 5, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Long X (Đã chết)

Người kế thừa quyền nghĩa vụ của bị đơn:

- Bà Nguyễn Tường V; sinh năm 1966;

- Chị Trần Thị Thương T, sinh năm 1993;

- Anh Trần Như Bằng D, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số nhà 130, tổ 5, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị P; sinh năm 1949

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Chị Đặng Thị Kim D;

Cùng địa chỉ: Số nhà 132, tổ 5, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Nguyễn Tường V; sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà 130, tổ 5, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Văn T.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Kim D trình bày:

Ông Đặng Văn T và bà Vũ Thị P là Việt kiều về nước năm 1963, được nhà nước phân về cư trú tại xóm 4 xã N, thị xã T (nay là tổ 5, phường N, thành phố T) và được cấp cho 01 thửa đất để ở. Năm 1988 ông T bà P có cho bà Vũ Thị H (em gái bà P) một phần đất có diện tích khoảng 360m² để ở (một cạnh giáp nhà ông T, một cạnh giáp nhà ông Thiêm) có đơn đề nghị do bà H viết và được ông Bùi Chí B vẽ sơ đồ và ký xác nhận, được UBND xã N ký xác nhận do phó chủ tịch Ngô Đình P ký tên đóng dấu. Năm 1991 ông T bà P được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp hồ sơ nhà đất số 346/QĐ-UB ngày 26/3/1991 đứng tên ông Đặng Văn T thể hiện diện tích đất được cấp 324 m², chiều rộng 8m, chiều dài 45m, diện tích đất tạm giao là 527,35m² tại tổ 5 (tổ 9 cũ) phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; trong số diện tích đất trên có cả diện tích đất trước đó ông T bà P đã cho bà Vũ Thị H. Cuối năm 1991 bà Vũ Thị H không có nhu cầu sử dụng đất nên đã Viết giấy trả lại đất cho bà P (giấy trả lại đất viết ngày 02/10/1991).

Năm 1992 ông T chuyển nhượng một phần thửa đất được cấp cho ông Trần Long X với diện tích chiều ngang phía trước rộng 6m, chiều ngang phía sau rộng 6m, giá trị chuyển nhượng là 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*). Phần đất chuyển nhượng nằm trong phần đất trước đây gia đình bà H trả lại cho gia đình ông. Khi chuyển nhượng đất cho gia đình ông X hai bên có Viết giấy tờ chuyển nhượng do ông X giữ, ông X đặt cọc 2.000.000 đồng trước, còn 10.000.000 đồng trả dần làm 3 đợt (ngày 3/11/1992 trả 2.000.000 đồng, ngày 13/11/1992 trả 5.000.000 đồng, và ngày 21/11/1992 trả 3.000.000 đồng). Năm 2004 ông X xây nhà đã xây lấn sang nhà ông T chiều rộng phía trước 1,2m, chiều rộng phía sau 1m, chiều dài hết đất 45m, tổng diện tích đất ông X lấn chiếm của ông T là 48m². Ông T đã có ý kiến về Việc ông X xây lấn chiếm đất, gia đình hai bên đã xảy ra cãi nhau. Hai gia đình mâu thuẫn từ đó cho đến nay chưa được giải quyết nên vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X trả lại diện tích đất lấn chiếm có chiều ngang phía trước 1,2m, phía sau 1m, chiều dài chạy hết đất cho gia đình ông. Trong quá trình giải quyết vụ án Trần Long X chết ông T yêu cầu bà Nguyễn Tường V và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông X trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông. Do gia đình bà V đã xây nhà kiên cố nên ông T đề nghị giải quyết theo hướng gia đình bà V trả lại diện tích đất thổ canh phía sau (đất trồng cây lâu năm),

diện tích đất tương đương với giá trị phần đất thổ cư và thổ canh đang có tranh chấp theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Bị đơn bà Nguyễn Tường V trình bày:

Năm 1992 chồng bà ông Trần Long X và bà có nhận chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Đặng Văn T và bà Vũ Thị P, khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng ông X là người đứng ra thực hiện. Hai bên không viết giấy tờ chuyển nhượng mà chỉ thỏa thuận miệng và Viết giấy giao nhận tiền vì phần đất gia đình bà nhận chuyển nhượng nằm trong phần đất ông T trước đây đã cho gia đình bà Vũ Thị H và ông Trần Văn An sau đó bà H ông An không có nhu cầu sử dụng đã trả lại đất cho ông T và ông T bán lại cho gia đình bà. Ông T giao giấy tờ mua bán đất giữa ông T với ông An, bà H cho gia đình bà (giấy tờ trên đã nộp cho Tòa án thành phố T). Sau khi mua được đất gia đình bà đã sử dụng đúng phần đất đã mua và không có tranh chấp gì với ai, khi đó ông T có rào hàng rào bằng nứa và trồng cây cúc tần ngăn đất giữa hai nhà. Đến năm 2007 ông T bà P lại xảy ra tranh chấp đất đai với gia đình bà và cho rằng gia đình bà lấn chiếm 01m đất chiều ngang, chiều sâu hết đất của nhà ông T bà P, trong khi đó gia đình bà xây nhà từ năm 2003 ông T bà P đồng ý và không có ý kiến gì. Khi bà xây nhà, chính ông T đã dỡ hàng rào cây và xây bức tường rào phía trước làm ranh giới ngăn giữa hai nhà, còn gia đình bà xây bức tường rào phía sau, lúc đó ông T phải dỡ bức tường chuồng lợn để cho nhà bà xây tường rào. Tại thời điểm đó ông T không có ý kiến gì. Trước đó, khi lập hồ sơ thửa đất thì gia đình hai bên có ký giáp ranh với nhau và không có tranh chấp gì. Nay bà xác định bà xây nhà và sử dụng đúng diện tích đất đã mua bán với ông T, bà không lấn chiếm đất của gia đình ông T, không nhất trí với yêu cầu khởi kiện về Việc đòi lại đất của ông Đặng Văn T.

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Long X anh Trần Như Bằng D và chị Trần Thị Phương T trình bày: Anh D và chị T là con đẻ của ông Trần Long X và bà Nguyễn Tường V, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ngày 15.01.2017 ông X chết. Về yêu cầu khởi kiện của gia đình ông T yêu cầu gia đình anh chị trả lại diện tích đất lấn chiếm có chiều ngang phía trước 1,2m, phía sau 1m, chiều dài chạy hết đất cho gia đình ông T bà P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị và bà V đã họp gia đình thống nhất ủy quyền cho bà V tham gia tố tụng tại Tòa án.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 699, 700, 701, 702 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 221, 223 - Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; pháp lệnh án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T về việc đề nghị giải quyết buộc bà Nguyễn Tường V có nghĩa vụ trả lại diện tích đất lấn chiếm chiều rộng phía trước 1,2m, chiều rộng phía sau 1m, chiều dài hết đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 1997 thuộc tổ 5 (tổ 9 cũ), phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Văn T, đơn kháng cáo có nội D: Không nhất trí với toàn bộ phần quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thẩm quyền để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông T (chị Đặng Thị Kim D) trình bày: Tại đơn kháng cáo bố mẹ ông Đặng Văn T kháng cáo không nhất trí với toàn bộ phần quyết định của bản án sơ thẩm, tuy nhiên chị xác định lại phía nguyên đơn không có ý kiến gì về nội D quyết định của bản án sơ thẩm về phần chi phí tố tụng và án phí dân sự trong vụ án mà chỉ không nhất trí về nội D Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về Việc đề nghị giải quyết buộc bà Nguyễn Tường V có nghĩa vụ trả lại diện tích đất lấn chiếm chiều rộng phía trước 1,2m, chiều rộng phía sau 01m chiều dài hết đất tại thửa đất số 70 tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 1997 thuộc tổ 5 (Tổ 9 cũ) phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị D giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Chị có bổ sung thêm nội D, sau khi bà H ông A trả lại đất cho bố mẹ chị thì bố mẹ chị có cho chị 06m đất chiều ngang để chị làm nhà ở, chị đã làm nhà 02 gian hết diện tích đất ngang 06m để ở, đến khi chị đi lấy chồng thì bố mẹ chị chuyển nhượng đất trên có ngôi nhà này cho gia đình ông X bà V. Khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy tờ chuyển nhượng và đóng cọc sắt xác định ranh giới giữa hai nhà. Khoảng năm 1994 – 1995 ông T bà V xây tường rào, hai bên có tranh chấp nhưng sau đó gia đình bà V tìm được cọc sắt xác định ranh giới giữa hai nhà nên bố mẹ chị phải đập tường chuồng lợn và nhà vệ sinh để nhà ông X bà V xây tường rào đoạn phía cuối đất trở lên đến phần nhà chị đã xây nhà, ông bà X bà V vẫn ở ngôi nhà mua của nhà chị. Năm 1997 khi nhà nước đo đạc hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình để lập bản đồ địa chính gia đình chị có được đo đạc kê khai hiện trạng sử dụng đất, mẹ chị bà Vũ Thị P là người xác định ranh giới và ký vào biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Năm 2004, khi nhà chị V xây nhà 02 tầng kiên cố, tường nhà chị V nối liền vào bức tường rào trước đây đã xây và xây tiếp đoạn tường từ nhà xây ra đến cổng nhà chị V, bố mẹ chị cho rằng gia đình nhà chị V xây nhà lấn sang đất ông bà, 02 bên có xảy ra tranh chấp nhưng không báo cáo chính quyền địa phương. Năm 2008 gia đình chị mới làm đơn đề nghị UBND phường N giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa bà V xác nhận vợ chồng chị có nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông T vào năm 1992, thửa đất có chiều ngang phía trước 07m, phía sau 07m và

chiều sâu hết đất, khi nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông T 02 bên có đóng cọc sắt chôn sâu dưới đất làm ranh giới. Khi nhà chị xây tường rào phía cuối đất lúc đầu gia đình ông T không nhất trí. Khi nhà chị tìm được cọc sắt ranh giới thì gia đình ông T mới đồng ý đập đi đoạn tường chuồng lợn ngả sang nhà chị để nhà chị xây tường rào, đến khi nhà chị xây nhà cũng xây tường nhà theo tường rào đã xây trước đây, nhà chị còn xây tiếp đoạn tường rào từ tường nhà ra đến cổng nhà không xảy ra tranh chấp, thậm chí gia đình ông T khi chị D con ông T làm quán bán hàng còn đề nghị gia đình chị cho xây chông cao lên hàng rào ranh giới phía trước nhà chị và xây nối tiếp một đoạn tường từ tường rào nhà chị ra đến đường đi vì đất nhà ông T dài hơn đất nhà chị. Đến năm 2008 khi nhà nước có chính sách đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T cho rằng đất nhà ông bị thiếu do bị nhà chị lấn chiếm nên làm đơn yêu cầu nhà chị phải trả lại đất lấn chiếm.

Ý kiến của Kiểm sát Viên tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn T là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS - ST, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T. Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm chưa đưa cụ thể ranh giới hiện trạng sử dụng đất giữa gia đình ông Đặng Văn T (Đặng Lâm T) với gia đình ông Trần Long X vào bản án, nên cấp phúc thẩm cần bổ sung cụ thể ranh giới vào bản án để đảm bảo Việc thi hành án. Các phần khác của bản án sơ thẩm cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T (Đặng Lâm T) về Việc Yêu cầu bà Nguyễn Tường V và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Long X trả lại diện tích đất đang quản lý sử dụng 50,2m², tại xóm 5 phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn T trong thời hạn luật định, do ông T là người cao tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm cho ông T. Do đó đơn kháng cáo của ông T là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Long X chết, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Trần Long X là bà Nguyễn Tường V, anh Trần Như Bằng D và chị Trần Thị Phương T, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh D và chị T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là thiếu sót. Tại cấp phúc thẩm Tòa án đã đưa những người này vào tham gia tố tụng, anh Trần Như Bằng D và chị Trần Thị Phương T đã có văn bản trình bày ý kiến. Tại Biên bản họp gia đình ngày 30/4/2020 bà V, anh D và chị T đã họp gia đình thống nhất ủy quyền để bà V tham gia tố tụng trong vụ án, vì vậy xác định bà V vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vừa là người đại diện của người người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà V là bị đơn trong vụ án là không chính xác cần điều chỉnh lại tư cách tố tụng của bà V trong vụ án cho đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Phương T và anh Trần Như Bằng D có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào Điều 296 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Văn T (Đặng Lâm T) về Việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Tường V và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho ông T phần diện tích đất lấn chiếm có chiều rộng phía trước 1,2m, chiều rộng phía sau 1m, chiều sâu hết đất tại tổ 5 (tổ 9 cũ), phường N, thành phố T có diện tích 50,2m² (Theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố T).

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp được giấy tờ, tài liệu gì thể hiện Việc ông Đặng Văn T chuyển nhượng đất cho ông Trần Long X. Tuy nhiên quá trình giải quyết tranh chấp ông Trần Long X xuất trình 01 giấy biên nhận (BL 35) có nội D thể hiện Việc ông Đặng Văn T có ký nhận tiền của ông Trần Long X, ông T nhận ngày 3/11/1992 số tiền 2.000.000 đồng, lý do nhận tiền là chuyển nhượng lại mảnh đất trong thổ cư, ngày 13/11/1992 nhận số tiền 5.000.000 đồng và ngày 21/11/1992 nhận số tiền 3.000.000 đồng, các lần nhận tiền đều có chữ ký của ông T, phía cuối của giấy biên nhận có dòng chữ 4/12/92 thanh toán nốt 2.600.000đ (Hai triệu sáu). Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận năm 1992 có được mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau. Khi chuyển nhượng đất hai bên có đóng cọc sắt làm ranh giới đất giữa hai nhà. Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1997 và hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện gia đình ông X sử dụng thửa đất số 70, tờ bản đồ 12, kết quả thẩm định tại chỗ xác định bà Nguyễn Tường V đang sử dụng thửa đất trên, trên đất có nhà xây 2 tầng. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định có Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Đặng Văn T bà Vũ Thị P với gia đình ông Trần Long X và bà Nguyễn Tường V.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất năm 1992 gia đình ông X bà V về ở trên ngôi nhà mua của gia đình ông T. Năm 1994 - 1995 gia đình ông X bà V xây tường rào phía sau, hai bên đã tìm thấy cọc sắt làm ranh giới đã chôn trước đây và cùng xác định ranh giới để gia đình bà V xây tường rào, gia đình ông T tự nguyện tháo dỡ tường chuồng lợn để gia đình bà V xây tường rào. Năm 1997 khi Nhà nước đo đạc hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình để thành lập bản đồ địa chính gia đình ông T, bà P và gia đình ông X đều thực hiện kê khai và xác nhận ranh giới sử dụng đất, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất của hai gia đình do phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T cung cấp thể hiện ông T, bà P sử dụng thửa đất số 71, diện tích 287,6m², ông X sử dụng thửa đất số 70, diện tích 371m², tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính năm 1997. Năm 2003 gia đình bà V xây nhà 02 tầng kiên cố trên đất nhận chuyển nhượng của ông T, phần xây dựng nằm giáp nhà ông T, tường nhà xây nối tiếp và bằng với bức tường rào ranh giới phía sau mà hai bên đã xác định trước đây, gia đình ông T không có ý kiến gì. Các đương sự đều xác định sau khi gia đình bà V xây dựng nhà, ông T còn trực tiếp xây bức tường rào phía trước nối liền tường nhà và tường rào ranh giới phía trước của nhà bà V làm ranh giới ngăn giữa hai nhà. Điều đó thể hiện gia đình bà V đã sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng (trong đó có phần diện tích đất tranh chấp) ổn định, thường xuyên, liên tục từ năm 1992 và gia đình ông T đã thừa nhận diện tích đất gia đình bà V đang sử dụng và đã xây nhà trên đất.

Ông Đặng Văn T và chị Đặng Thị Kim D cho rằng năm 1992 ông T chỉ bán cho ông Trần Long X thửa đất có 6m chiều ngang, chiều sâu hết đất, trước đó ông X đã nhổ cọc sắt làm mốc giới giữa 2 nhà và cắm lại sang đất nhà T nhằm lấn chiếm đất của ông T. Tuy nhiên ông T và chị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh Việc ông Đặng Văn T chuyển nhượng cho ông Trần Long X thửa đất có chiều ngang 6m, chiều dài hết đất cũng như Việc ông X nhổ cọc sắt dịch chuyển ranh giới đất giữa hai nhà. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về Việc đòi bà V và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm có chiều ngang phía trước 1,2m, phía sau 1m, chiều sâu hết đất có diện tích 50,2m² tại tổ 5 (tổ 9 cũ), phường N, thành phố T theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ là có căn cứ, vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội D này, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T đòi bà V và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông X phải trả lại đất.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định ranh giới sử dụng đất giữa gia đình ông T và gia đình bà V là chưa giải quyết triệt để vụ án. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm xác định ranh giới sử dụng đất giữa ông T và gia đình bà V theo ranh giới hiện trạng đang sử dụng.

Theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 13/10/2017 thể hiện gia đình ông T bà P hiện đang sử dụng thửa đất có diện tích 319,5 m² được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 8, 9, 10, 14, 6; gia đình bà V đang sử dụng thửa đất có diện tích 370,7m² được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 5, 4, 6', 6, 7, 8, 9, 9', 1. Do đó xác định ranh giới sử dụng đất giữa gia đình ông Đặng Văn T và gia đình bà Nguyễn Tường V được xác định từ

điểm 6, 7, 8, 9 trên sơ đồ mảnh trích hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng tranh chấp trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ bà ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Tường V tại tổ 5 phường N, thành phố T kèm theo bản án. *(có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án)*.

Ông T, bà P, Bà V và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Long X có quyền đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 166; 170, 203 Luật đất đai. Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UB\TVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T (Đặng Lâm T).

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đặng Văn T (Đặng Lâm T) về Việc yêu cầu bà Nguyễn Tường V và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Long X phải trả cho ông diện tích 50,2m² đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính năm 1997 thuộc tổ 5 (tổ 9 cũ) phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sửa bản án sơ thẩm như sau: Xác định ranh giới sử dụng đất giữa gia đình ông Đặng Văn T (Đặng Lâm T) với gia đình bà Nguyễn Tường V được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 8, 9 trên sơ đồ mảnh trích hiện trạng thửa đất 70, 71 tờ bản đồ số 12 và hiện trạng tranh chấp trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Đặng Văn T và gia đình bà Nguyễn Tường V tại tổ 05 phường N, thành phố T *(có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án)*.

Ông Đặng Văn T (Đặng Lâm T) được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 01/6/2020).

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự";

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi Cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc Hà

